

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**
Bản án số: 128/2020/HSST
Ngày: 11- 5- 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Định.

Các hội thẩm nh dân: Ông Đoàn Xuân Hoà và ông Nguyễn Đăng Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 162/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Văn H**- Sinh ngày: 31/8/1980, tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Minh T, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Văn T và bà Vũ Thị C; Có vợ là: Trần Thị N và có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 13/02/2020, tạm giữ đến ngày 22/02/2020, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn T** - Sinh ngày: 17/10/1981, tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn S, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị N (đã chết); Có vợ là: Phạm Thị D và có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 13/02/2020, tạm giữ đến ngày 22/02/2020, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn S** - Sinh ngày: 23/03/1977, tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn Ng, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hồng S (đã chết) và bà Trịnh Thị M; Có vợ là: Lê Thị V và có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 13/02/2020, tạm giữ đến ngày 22/02/2020, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Vũ Văn L** - Sinh ngày: 01/01/1971, tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Văn T (đã chết) và bà Trịnh Thị M; Có vợ là: Bùi Thị N và có 03 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 13/02/2020, tạm giữ đến ngày 22/02/2020, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Mai Đức T1** - Sinh ngày: 21/10/1974, tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn D, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Mai Đức L và bà Nguyễn Thị H; Có vợ là: Vũ Thị L và có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 13/02/2020, tạm giữ đến ngày 22/02/2020, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**/ Người làm chứng:*

1. Anh Phan Văn Q - sinh năm 1971, vắng mặt tại phiên tòa (không có lý do).

2. Anh Nguyễn Văn M - sinh năm 1969, vắng mặt tại phiên tòa (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Mai Đức T1 và anh Phan Văn Q, đều là thợ xây tự do. Hiện nhóm S đang nhận thi công Căn hộ HD 07-35, thuộc khu nhà liền kề, ở khu 5A, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long của ông Trần Trung M, trú tại tổ 5, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Khoảng 17 giờ ngày 13/02/2020, nhóm S mời Vũ Văn L, Vũ Văn H và anh Nguyễn Văn M, là tốp thợ đang xây dựng Căn hộ M3-20 gần đó sang Căn hộ HD 07-35 cùng ăn cơm tối.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi cơm xong, anh M và anh Q dọn mâm và rửa bát, còn Vũ Văn H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Vũ Văn L và Mai Đức T1 rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức đánh “Liêng”. Vũ Văn L lấy 01 bộ bài Tú lơ khơ, gồm 36 quân, từ quân A (át) đến quân 9, để ở góc phòng từ trước (Bộ bài đã được loại bỏ các quân 10, J, Q, K), rồi bỏ ra chiếu để một người bốc cái, xem ai chia bài, cũng chính là người cầm cái. Kết quả, L người là tráo bài và chia ván bài đầu tiên để “đánh liêng” ăn tiền với mức từ 10 nghìn đến 100 nghìn đồng. Hình thức chơi là: Sau khi được người cầm cái chia cho mỗi người 03 quân bài, mỗi người bỏ ra 10 nghìn đồng đặt cược; sau khi xem 03 quân bài được chia, người chơi có các cách lựa chọn sau: Úp bài nếu thấy bài của mình không thể thắng và chịu mất 10 nghìn đồng đã đặt cược hoặc đặt cược bằng số tiền 10 nghìn đồng đã đặt cửa trên hoặc đặt tiền cược cao hơn của những người cửa trên đã đặt (tổ), thỏa thuận mỗi lần tổ cao nhất 100 nghìn đồng. Sau khi khép vòng, mọi người cùng lật bài so điểm bằng cách cộng số điểm của 3 quân bài, con A tính là 1, cho đến 9; ai có số điểm cao nhất, là người thắng thu tiền và ván bài kết thúc; nếu có người 2 hoặc trên 2 người cùng bằng điểm nhau cao nhất, thì xét theo thứ tự ai có con bài

chất rô lớn hơn thì người đó thắng cuộc (sau đó xét tới chất cơ, nhép, bích). Khi chơi tiếp ván sau, người thắng ván trước sẽ được chia bài và cầm cái. Quá trình chơi, L bỏ ra 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng), T1 bỏ ra 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), H bỏ ra 3.000.000 đồng (ba triệu đồng chẵn), T bỏ ra 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), S bỏ ra 790.000 đồng (bảy trăm chín mươi nghìn đồng). Cả bốn người chơi được khoảng 10 phút thì có một nam thanh niên tên là Nghĩa (không rõ lai lịch) cũng vào ngồi chơi, Nghĩa chơi một lúc thì thua khoảng gần 02 triệu đồng, Nghĩa không chơi nữa đứng dậy bỏ đi. Còn L, T1, H, T, S tiếp tục chơi, đến 20 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an thành phố Hạ Long kiểm tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm:

Thu tại chiếu bạc 8.280.000 đồng (Tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng); Trong đó: của L 700.000 đồng, của T1 600.000 đồng, của H 3.000.000 đồng, của T 1.500.000 đồng, của S 790.000 đồng còn lại 1.690.000 đồng của thanh niên tên là Nghĩa thua những người trên; 01 bộ bài Tú lơ khơ 36 cây.

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S, Vũ Văn L và Mai Đức T1, đều khai nhận hành vi “Đánh bạc” trái phép của mình và đồng phạm như nêu trên.

Tại phiên tòa các bị cáo Vũ Văn H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Vũ Văn L và Mai Đức T1 khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án được thể hiện trong Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long đã truy tố đối với các bị cáo.

Người làm chứng anh Phan Văn Q và anh Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại Cơ quan điều tra có lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo về nội dung vụ án.

Tại Cáo trạng số 137/CT-VKSHL ngày 20/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long đã truy tố các bị cáo Vũ Văn H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Vũ Văn L và Mai Đức T1 về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo về tội: “Đánh bạc” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo H và S; Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 17; Điều 58; Điểm c khoản 1 Điều 32; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Vũ Văn L và Mai Đức T1, xử phạt:

- Bị cáo Vũ Văn H và bị cáo Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo H và T cho UBND xã, nơi các bị cáo cư trú, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, các bị cáo H và T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

- Các bị cáo: Nguyễn Văn S, Vũ Văn L và Mai Đức T1, mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi số ngày tạm giữ $09 \times 3 = 27$ ngày cải tạo không

giam giữ, các bị cáo còn phải chấp hành từ 05 tháng 03 ngày đến 08 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã, nơi các bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo: S, L và T1 cho UBND xã, nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

Đề nghị miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo S, L và T1.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng: điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 8.280.000 đồng; Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài Tú lơ khơ 36 cây.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát NH dân thành phố Hạ Long và bản luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hạ Long, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa các bị cáo Vũ Văn H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Vũ Văn L và Mai Đức T1 khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hạ Long lập hồi 20 giờ 30 phút ngày 13/02/2020 và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Hồi 20 giờ 30 phút ngày 13/02/2020, tại Căn hộ HD07-35, thuộc khu nhà liền kề, ở khu 5A, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, Vũ Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S, Vũ Văn L và Mai Đức T1 đã có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức dùng bài Tú lơ khơ đánh “Liêng”, thì bị Công an thành phố Hạ Long phát hiện bắt quả tang, thu trên chiếu bạc 8.280.000 đồng và 01 bộ bài Tú lơ khơ 36 cây.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Vũ Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S, Vũ Văn L và Mai Đức T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự và an toàn công cộng được pháp luật hình sự bảo vệ. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội mà Nhà nước ta đang ra sức loại trừ. Vì đánh bạc mà nhiều gia đình bị khánh kiệt, nợ nần chồng chất, nó cũng là nguyên nhân gây nên các loại tội phạm khác. Các bị cáo đều đã trưởng thành, đáng lẽ các bị cáo chăm lo làm ăn lương thiện, ngược lại các bị cáo lại tham gia đánh bạc kiếm tiền bất chính, làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trên địa bàn. Vì vậy, cần phải có biện pháp xử lý tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy: Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, các bị cáo tự rủ nhau cùng đánh bạc nên xét về tính chất thì các bị cáo có vai trò ngang nhau.

[5] Luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo về tội danh, điều khoản truy tố, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt đề nghị áp dụng là có căn cứ, phù hợp với nội dung của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt: Khi quyết định hình phạt cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

- Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; đều là công nhân lao động tự do và có trình độ văn hóa thấp.

- Về tình tiết tăng nặng: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vì vậy các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo có vai trò ngang nhau nhưng số tiền dùng để đánh bạc của từng bị cáo khác nhau nên mỗi bị cáo phải chịu mức hình phạt tương ứng với số tiền bỏ ra đánh bạc. Bị cáo H là người chuẩn bị nhiều tiền nhất để tham gia đánh bạc nên phải chịu hình phạt cao nhất. Tiếp đến là bị cáo T mang theo số tiền đánh bạc nhỏ hơn bị cáo H nhưng lớn hơn các bị cáo còn lại nên phải chịu mức hình phạt thứ hai. Các bị cáo còn lại có lượng tiền bỏ ra đánh bạc thấp hơn nên chịu mức hình phạt thấp nhất.

Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Do đó, để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, cần giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không cần thiết phải bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích. Cho các bị cáo H và T được hưởng chế định miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện (án treo), các bị cáo S, L và T1 được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Bị cáo S, L và T1 đã bị tạm giữ 09 ngày. Theo quy định của pháp luật thì cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng ba ngày cải tạo không giam giữ nên cần trừ đi $09 \times 03 = 27$ ngày cải tạo không giam giữ cho các bị cáo này.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo H, T, S, L và T1 không có công ăn việc làm ổn định, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo và không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo S, L và T1.

[8] Về vật chứng: Xét thấy:

+ Số tiền 8.280.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước;

+ 01 bộ bài Tú lơ khơ 36 cây là phương tiện phạm tội, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Nội dung khác:

+ Đối với đối tượng Nghĩa có hành vi tham gia đánh bạc, nhưng chưa rõ lai lịch địa chỉ, nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau;

+ Đối với ông Trần Trung Minh, là chủ Căn hộ HD 07-35, không tham gia đánh bạc, gá bạc hoặc giúp sức cho các đối tượng đánh bạc nên không đề cập xử lý.

[10] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo H và T.

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo: S, L và T1.

Tuyên bố:

Các bị cáo: Vũ Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S, Vũ Văn L và Mai Đức T1 phạm tội: "Đánh bạc".

Xử phạt:

1. Bị cáo Vũ Văn H 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Văn H cho UBND xã Minh T, huyện Đ, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Minh T trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Chương Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, các bị cáo H và T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Bị cáo Nguyễn Văn S 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 09 ngày bị tạm giữ (từ ngày 13/02/2020 đến ngày 22/02/2020) được quy đổi: $9 \times 3 = 27$ ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo S còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo S cho UBND xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo S có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Vũ Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

4. Bị cáo Vũ Văn L 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 09 ngày bị tạm giữ (từ ngày 13/02/2020 đến ngày 22/02/2020) được quy đổi: $9 \times 3 = 27$ ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo L còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã L, huyện, tỉnh Thái Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo L cho UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo L có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Lô Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

5. Bị cáo Mai Đức T1 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 09 ngày bị tạm giữ (từ ngày 13/02/2020 đến ngày 22/02/2020) được quy đổi: $9 \times 3 = 27$ ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo T1 còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo T1 cho UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo T1 có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Phú Lương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Nguyễn Văn S, Vũ Văn L và Mai Đức T1.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng: điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 8.280.000 đồng (tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng);

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 36 cây.

(Tình trạng như Biên bản giao vật chứng số 179/BB-THA ngày 08/5/2020 giữa Công an thành phố Hạ Long và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).

Biện pháp tư pháp: Áp dụng: điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự. Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 60, 61, 62, 63 và 64/HSST- LCDKNCT ngày 20/4/2020 của Tòa án nH dân thành Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đối với các bị cáo Vũ Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S, Vũ Văn L và Mai Đức T1.

Về án phí: Áp dụng: khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Vũ Văn H, Nguyễn

Văn T, Nguyễn Văn S, Vũ Văn L và Mai Đức T1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng: Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo Vũ Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S, Vũ Văn L và Mai Đức T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các Bị cáo;
- VKSND TP. Hạ Long;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan điều tra Công an TP. Hạ Long;
- Cơ quan THAHS TP. Hạ Long;
- Chi cục THADS TP. Hạ Long;
- Lưu hồ sơ, văn phòng, THA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Định